TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hải S, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp F, xã 0, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông S có mặt. Bị đơn bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Hải S trình bày*:

Ông Đặng Hải S và bà Trần Thị Phương Th chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Ông S, bà T chung sống từ sau khi cưới năm 2017 cho đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông S và bà T đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Vì vậy, ông S thấy vợ chồng đã không chung sống với nhau lâu ngày, tình cảm không còn, nên làm đơn xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông S, bà T không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không tranh chấp , không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Chứng cứ ông S giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 17/01/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của ông S; bản tự khai của ông S.

Ngoài ra, ông S không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Theo bản tự khai ngày 21/02/2019, quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị Phương T trình bày:*

Bà T và ông S là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian sống chung bà T và ông S có nhiều bất đồng quan điểm dẫn đến bà T và ông S đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Hiện nay, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà T và ông S không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương

sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn ông S, bị đơn bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục , bổ sung các thủ tục tố tụng . Quan hệ pháp luật là không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S đối với bị đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông S có mặt, bị đơn bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T, kết quả xác minh xác định bị đơn bà T có hộ khẩu thường trú tại tổ E, ấp F, xã 0, huyện P, tỉnh Bình Phước; hiện nay đang tạm trú tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 17/01/2019, nguyên đơn ông S khởi kiện ly hôn đối với bị đơn bà T với yêu cầu: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T được quy định tại các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình . Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông S và bị đơn bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, ông S bà T tự nguyện, không vi phạm điều cấm nhưng đã vi phạm các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa nguyên đơn ông S và bị đơn bà T là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn ông S xác định quá trình chung sống ông S và bà T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông S và bà T điều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông S

và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà T là phù hợp pháp luật.

[4.2] *Về con chung:* Ông S, bà T không có con chung nên không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông S, bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết .

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng , quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hải S đối với bà Trần Thị Phương T về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Hải S và bà Trần Thị Phương T.

1.2. *Về con chung*: Ông S, bà T không có.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Đặng Hải S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông S đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0012858 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã O, huyện P, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ